

UBND HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Vũ Thị Minh Thảo	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Huỳnh Thị Thanh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Trần Thị Hải Lý	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Thư ký Hội đồng	
5	Trần Văn Nam	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
6	Phạm Thị Dung	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
7	Hồ Thị Quỳnh	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Thị Kim Loan	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Thị Ánh	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Phạm Thị Nụ	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Trần Phan Hàn Thạch	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	18
Tiêu chí 1.4	20
Tiêu chí 1.5	21
Tiêu chí 1.6	22
Tiêu chí 1.7	23
Tiêu chí 1.8	25
Tiêu chí 1.9	26
Tiêu chí 1.10	27
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	28
Tiêu chuẩn 2	29

Mở đầu	29
Tiêu chí 2.1	29
Tiêu chí 2.2	30
Tiêu chí 2.3	32
Tiêu chí 2.4	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	35
Tiêu chuẩn 3	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 3.1	35
Tiêu chí 3.2	37
Tiêu chí 3.3	38
Tiêu chí 3.4	39
Tiêu chí 3.5	41
Tiêu chí 3.6	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	44
Tiêu chuẩn 4	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 4.1	44
Tiêu chí 4.2	46
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	48
Tiêu chuẩn 5	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 5.1	48
Tiêu chí 5.2	50
Tiêu chí 5.3	51

Tiêu chí 5.4	53
Tiêu chí 5.5	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	55
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	55
Tiêu chí 1	56
Tiêu chí 2	56
Tiêu chí 3	57
Tiêu chí 4	57
Tiêu chí 5	58
<i>Kết luận</i>	58
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	58
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	✓
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	

Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	✓
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Đắk Song

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đắk Song
Xã / phường/thị trấn	Thị Trấn Đức An
Đạt CQG	Đạt mức 1
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2005
Công lập	√
Tư thực	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hường
Điện thoại	0979612788
Fax	
Website	
Số điểm trường	1
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Khối lớp 1	4	4	4	4	3
Khối lớp 2	5	4	4	4	4
Khối lớp 3	4	5	4	4	4
Khối lớp 4	3	4	5	4	4
Khối lớp 5	4	3	4	4	4

Cộng	20	20	21	20	19
-------------	----	----	----	----	----

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	30	30	30	30	30	
1	Phòng học	21	21	21	21	21	
a	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18	
b	Phòng bán kiên cố	3	3	3	3	3	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	4	4	4	4	4	
a	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
b	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

3	Khối phục vụ học tập	2	2	2	2	2	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	4	4	4	4	4	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	4	4	4	4	4	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	8	8	8	8	8	
	Cộng	38	38	38	38	38	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	2	0	
Giáo viên	27	25	1	1	26	0	
Nhân viên	4	3	0	0	0	0	1 bảo vệ
Cộng	34	31	1	1	29	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số giáo viên	29	29	28	27	26
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.45	1.45	1.33	1.35	1,36
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.042	0.042	0.037	0.037	0,037
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	10	11	7	8	5
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	2

6	Các số liệu khác (nếu có)	04	04	03	04	
---	---------------------------	----	----	----	----	--

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	692	681	744	728	694	
	- Nữ	347	338	378	351	333	
	- Dân tộc	15	15	22	21	23	
	- Khối lớp 1	147	134	155	136	126	
	- Khối lớp 2	168	139	134	155	139	
	- Khối lớp 3	134	171	149	129	154	
	- Khối lớp 4	106	134	171	140	132	
	- Khối lớp 5	137	103	135	168	143	
2	Tổng số tuyển mới	145	136	151	133	122	
3	Học 2 buổi/ngày	520	420	422	420	425	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	34	34	35.4	36	37	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	144-100%	129-100%	150-100%	132-100%	122-100%	
	- Nữ	63-100%	61-100%	77-100%	66-98.4%	59-100%	
	- Dân tộc thiểu số	6-100%	4-100%	5-100%	04-100%	3-100%	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	64	120	110	29	194	

	h (nếu có)						
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	3	2	4	8	12	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	68	51	57	49	33	
	- Nữ	30	24	30	22	16	
	- Dân tộc thiểu số	5	3	3	2	3	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	12	12	11	9	9	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	147	134	155	136	127	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	98.8	98.9	99.1	98.9	98.0	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	97.1	94.2	97.04	93.5	97.2	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	100	100	100	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Chu Văn An thuộc địa bàn tổ dân phố 2, thị trấn Đức An, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông được thành lập từ năm 2005, theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đăk Song. Qua 18 năm thành lập, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự quan tâm sâu sát về chuyên môn của các cấp quản lý ngành giáo dục, sự nỗ lực của tập thể hội đồng sư phạm, trường Tiểu học Chu Văn An luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Với kết quả của nhiều năm xây dựng và phát triển, ngày 16 tháng 01 năm 2023 UBND Tỉnh Đăk Nông ra quyết định số: 57/QĐ-UBND về việc công nhận Trường tiểu học Chu Văn An, thị trấn Đức An, huyện Đăk Song đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Ngày tháng 01 năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 07/QĐ-SGDĐT V/v cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 cho Trường tiểu học Chu Văn An, thị trấn Đức An, huyện Đăk Song.

Hiện nay, trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức theo quy định với: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hội đồng trường, ngoài ra còn có các tổ chức xã hội như Ban Đại diện cha mẹ học sinh, Hội khuyến học,... Với đặc điểm về đội ngũ và điều kiện nhà trường, năm học 2023-2024 trường thành lập 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo quy định.

Năm học 2023 - 2024, toàn trường có 34 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó, cán bộ quản lý 03, giáo viên 27, nhân viên 04. Đội ngũ viên chức khá đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường. Tuy nhiên, khả năng tin học, ngoại ngữ của đội ngũ chưa cao, khả năng dạy học phát huy năng lực, phẩm chất người học ở một số giáo viên còn chưa thực sự hiệu quả. Tính đến tháng 5 năm 2024, tổng số học sinh 694/19 lớp, trong đó học sinh dân tộc thiểu số 23, học sinh khuyết tật 04, học sinh thuộc diện chính sách 33.

Nhà trường luôn tham gia đầy đủ, hiệu quả các phong trào, hội thi, giao lưu dành cho giáo viên, học sinh do các cấp tổ chức. Hằng năm, 100% viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Về cơ sở vật chất: Trường có 01 điểm trường với diện tích đất 10.748 m². Khối phòng học tập có 25 phòng, trong đó: kiên cố 18 phòng, bán kiên cố 07 phòng. Khối phòng hỗ trợ học tập có 03 phòng (thư viện, thiết bị, phòng Đội Thiếu niên kết hợp phòng truyền thống). Khối hành chính quản trị có 04 phòng (phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phòng bảo vệ, văn phòng), khu vệ sinh giáo viên (riêng nam và nữ), nhà xe giáo viên. Khối phụ trợ gồm: 01 phòng họp, 01 phòng y tế, 01 nhà kho, khu để xe học sinh, khu vệ sinh học sinh, cổng và tường rào. Khu sân chơi, thể dục thể thao: Sân chung để tổ chức các hoạt động có cây bóng mát, nhà đa năng, bể bơi, sân bóng đá. Hạ tầng kỹ thuật: có hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống nước lọc đảm bảo nhu cầu sử dụng; có hệ thống thoát nước và thu gom rác thải đảm bảo; hệ thống điện đảm bảo công suất; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại, mạng internet. Thiết bị dạy học đáp ứng cơ bản

nhu cầu dạy học với thiết bị tối thiểu theo quy định và một số thiết bị hiện đại được đầu tư trang bị thêm.

Là trường nằm trên địa bàn trung tâm huyện, với đời sống của đa số phụ huynh tương đối đảm bảo, ngày càng có sự quan tâm tới việc học tập và rèn luyện của con em nên nhà trường có nhiều thuận lợi trong công tác tuyển sinh và duy trì sĩ số so với một số địa phương khác trên địa bàn huyện. Tuy vậy, mặt bằng dân trí chưa cao, chưa đồng đều cộng với tác động của dịch bệnh, giá cả các mặt hàng tiêu dùng, nông sản thiếu ổn định dẫn đến nhiều hộ dân nhất là những hộ làm nông nghiệp gặp khó khăn trong cuộc sống; một bộ phận phụ huynh có phương pháp quản lý và giáo dục học sinh tại gia đình chưa hiệu quả, thiếu sự phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục.

Từ những đặc điểm trên, quá trình tổ chức xây dựng và cải tiến chất lượng của nhà trường có những thuận lợi, khó khăn sau:

*** Thuận lợi:**

- Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, của ngành giáo dục và đào tạo; sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, Ban Đại diện Cha mẹ học sinh...

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực đáp ứng nhiệm vụ quản lý và dạy học trong giai đoạn hiện nay; có khả năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với thực tiễn nhà trường.

- Điều kiện chính trị - xã hội tại địa phương luôn ổn định, đời sống của đa số gia đình phụ huynh đảm bảo, sự quan tâm của phụ huynh tới việc học tập, giáo dục của con em ngày một sát sao.

- Cơ sở vật chất ngày càng khang trang, sạch đẹp, đáp ứng với yêu cầu dạy học hiện nay.

*** Khó khăn:**

- Khả năng tin học, ngoại ngữ của đội ngũ chưa cao, khả năng dạy học phát huy năng lực, phẩm chất người học ở một số giáo viên còn chưa thực sự hiệu quả, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới quản lý, đổi mới dạy học.

- Mặt bằng dân trí chưa cao, chưa đồng đều, đời sống của một bộ phận nhân dân gặp khó khăn do tác động của dịch bệnh, giá cả các mặt hàng tiêu dùng, nông sản thiếu ổn định; một bộ phận phụ huynh có phương pháp quản lý và giáo dục học sinh tại gia đình chưa hiệu quả, thiếu sự phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục.

- Sự phát triển cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng kịp thời với sự thay đổi yêu cầu về tiêu chí về cơ sở vật chất trường học. Các thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại của nhà trường còn hạn chế.

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Chu Văn An tổ chức tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia với nội dung và kết quả cụ thể như sau:

2. Mục đích TĐG

Tự đánh giá chất lượng là để có được chất lượng giáo dục bền vững theo yêu cầu của sự phát triển xã hội, đảm bảo theo hướng dẫn tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

của Bộ GD&ĐT ban hành, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

Bản báo cáo tự đánh giá này là một văn bản ghi nhớ quan trọng để nhà trường cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục cho từng chỉ tiêu mà kế hoạch đã đề ra.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

a) Quy trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện đúng qui định mà Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn, theo 7 bước:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá
- Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Thu thập xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo tự đánh giá.
- Công bố báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học. Ngày 27 tháng 02 năm 2024 Hiệu trưởng trường Tiểu học Chu Văn An ra quyết định số: 07/QĐ-THCVA, kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT gồm 11 thành viên do bà Nguyễn Thị Hương làm Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá phân công cụ thể công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng.

Từ tháng 3 đến tháng 5/2024, các thành viên trong Hội đồng thu thập các thông tin và tài liệu có liên quan đến tiêu chí do mình phụ trách.

Tháng 5/2023, Hội đồng hoàn thành việc đánh giá các chỉ số của từng tiêu chí tập hợp thành bộ tiêu chí quản lý chất lượng, công bố bộ tiêu chí để lấy ý kiến đóng góp toàn Hội đồng tự đánh giá. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của CB, GV Hội đồng TĐG tiếp tục hoàn thiện tự đánh giá các tiêu chí. 25/5/2024, nhà trường hoàn thành Báo cáo tự đánh giá trình Phòng GD&ĐT huyện Đăk Song xem xét.

b) Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung trong Bộ tiêu chí; sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan.

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: Bộ tiêu chí quản lý chất lượng giáo dục của trường tiểu học để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet... để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá.

c) Điểm nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của đợt kiểm định chất lượng giáo dục, các thành viên của các bộ phận trong nhà trường đã chủ động tích cực tham gia kiểm định đánh giá một cách trung thực. Trong quá trình làm việc, nhiều vấn đề phức tạp đã nảy sinh như nhân viên thu viện-thiết bị kiêm văn thư thủ quỹ nên quá trình hỗ trợ thu thập minh chứng, thời gian phối hợp nhiệm vụ giữa các thành viên nhiều lúc mâu thuẫn nhau. Tuy vậy, sau một thời gian nỗ lực cố gắng, các khó khăn trên đã từng bước được khắc phục. Kiểm định chất lượng giáo dục cũng là một dịp để các tổ chức, đoàn thể và cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên tự đánh giá một cách khách quan, khoa học quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của bản thân, tổ chức mình. Tất cả những điều đó có ý nghĩa rất lớn với những quyết sách và định hướng tiếp theo của đơn vị.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường tiểu học Chu Văn An có cơ cấu tổ chức bộ máy đúng, đủ theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học hiện hành. Học sinh của trường có đủ 5 khối lớp, từ khối lớp Một đến khối lớp Năm. Để xác định tầm nhìn, sứ mạng, định hướng phát triển, nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập đầy đủ và hoạt động hiệu quả. Trường có chi bộ sinh hoạt độc lập, hiện có 27 đảng viên, chi bộ đã lãnh đạo nhà trường và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Các tổ chuyên môn của trường hoạt động có nề nếp, tổ chức sinh hoạt theo quy định và chú trọng tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học để đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giảng dạy. Tổ Văn phòng với biên 04 thành viên, hàng năm thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định như báo cáo, tổng hợp thống kê, văn thư, lưu trữ, đảm bảo an ninh trường học. Công tác quản lý và triển khai các hoạt động giáo dục cho học sinh được tiến hành theo một nề nếp khoa học, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa Lãnh đạo nhà trường, các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Trong quá trình hoạt động, các loại hồ sơ nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học. Chế độ thông tin và báo cáo được thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, trường đã triển khai một cách thường xuyên, hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Quy chế dân chủ trong nhà trường được xây dựng và củng cố hàng năm từ đó huy động tập hợp trí tuệ tập thể xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh. Trường luôn chú trọng và có đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực học đường,... để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh, giúp giáo viên và học sinh yên tâm dạy và học. Nhiều năm liền trường được công nhận Tập thể Lao động Tiên tiến, các đoàn thể được xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, điều đó khẳng định nhà trường đang ngày càng phát triển.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chiến lược xây dựng và phát triển Trường Tiểu học Chu Văn An phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục; Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; Phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]. Tuy nhiên, Chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được sự tham gia góp ý rộng rãi của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Chiến lược phát triển Trường Tiểu học Chu Văn An được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.[H1-1.1-01]

Chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại nhà trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường phối hợp với Hội đồng trường, công đoàn và các đoàn thể, cá nhân tổ chức giám sát thường xuyên và đánh giá kết quả giám sát vào cuối các năm học [H1-1.1-03].

Mức 3:

Chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại nhà trường [H1-1.1-02].

Mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá thực hiện chiến lược và điều chỉnh, bổ sung chiến lược với sự tham gia của thành viên Hội đồng trường, của đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên và đại diện Hội cha mẹ học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại luật giáo dục. Chiến lược của nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, được niêm yết công khai trong nhà trường và triển khai thực hiện với sự giám sát của các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và được đánh giá, điều chỉnh, bổ sung mỗi năm học.

3. Điểm yếu

Chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được sự tham gia góp ý rộng rãi của cha mẹ học sinh và cộng đồng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục huy động sự tham gia của các bên liên quan, trong đó xin ý kiến của toàn thể phụ huynh và cộng đồng trong việc đánh giá, điều chỉnh chiến lược hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mức 1:

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật,... được thành lập theo quy định [H1-1.2-01].

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật và các Hội đồng khác và Tổ tư vấn tâm lý thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học kèm theo Thông tư 28/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-02], [H1-1.2-03], [H1-1.2-04]. Tuy nhiên, hoạt động của Tổ Tư vấn tâm lý chưa thực sự sôi nổi, chưa tổ chức được nhiều chuyên đề giáo dục, tư vấn tâm lý cho học sinh.

Hoạt động của các Hội đồng được rà soát, đánh giá vào dịp tổng kết năm học, [H1-1.2-02], [H1-1.2-03]

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật mang lại hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, [H1-1.2-04],[H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật được thành lập theo quy định. Hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật mang lại hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chưa phát huy hết vai trò của Tổ tư vấn tâm lý trường học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chủ động tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho Tổ tư vấn tâm lý, hướng dẫn cho các thành viên nghiên cứu kỹ Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT, ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông và các văn bản liên quan trong năm học 2023-2024, đồng thời tạo điều kiện về thời gian để Tổ thực hiện các chuyên đề tư vấn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Đến thời điểm đánh giá, có các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Công đoàn trường gồm 34 công đoàn viên với Ban Chấp hành 05 đồng chí [H1-1.3-02], Chi đoàn TNCS HCM có 7 đoàn viên là giáo viên, cơ cấu Ban Chấp hành 03 đồng chí [H1-1.3-03], Liên đội TNTP HCM gồm 429 đội viên chia làm 12 Chi đội và 266 sao nhi đồng hoạt động theo sự chỉ huy của Ban Chỉ huy Liên Đội gồm 13 đội viên [H1-1.3-04].

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-05], [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Hàng năm, các tổ chức đều tiến hành rà soát, đánh giá về hoạt động của tổ chức [H1-1.3-05], [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Mức 2:

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 chi bộ Đảng [H1-1.3-01]. Chi bộ nhà trường có cấp ủy gồm 2 đồng chí (thiếu 01 do chưa bầu bổ sung) tổ chức lãnh đạo chi bộ

(27 đảng viên) xây dựng nghị quyết, tổ chức thực hiện nghị quyết của chi bộ và cấp ủy Đảng các cấp đúng tôn chỉ mục đích của Điều lệ Đảng. Lãnh đạo nhà trường và các đoàn thể thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị theo Hiến pháp và pháp luật. Trong 5 năm liên tiếp, chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-05], [H1-1.3-09].

Các đoàn thể, tổ chức khác: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh... có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Công đoàn, chi đoàn phối hợp với nhà trường tổ chức vận động đoàn viên tham gia tích cực các hoạt động phong trào, thực hiện nghiêm quy chế chuyên môn, chủ động tìm hiểu đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đội TNTP Hồ Chí Minh tổ chức được nhiều hoạt động phong trào thiếu nhi do Hội đồng Đội các cấp triển khai, các hoạt động lao động vệ sinh, chăm sóc cây hoa, múa hát sân trường,... tạo điều kiện cho đội viên, nhi đồng được trau dồi kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống. Ban Đại diện CMHS đã phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục, vận động phụ huynh và công đồng làm tốt công tác phối kết hợp với nhà trường trong hoạt động giáo dục [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08], [H1-1.3-10], [H1-1.3-11], [H1-1.3-12].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ trường tiểu học Chu Văn An liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (năm 2023 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ) [H1-1.3-09].

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Các tổ chức đoàn thể đều tham gia tích cực các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Cụ thể: Công đoàn và Chi đoàn đã tổ chức cho đoàn viên tham gia hiến máu tình nguyện, tham gia các hoạt động chung tay giúp đỡ người nghèo như Tết cho người nghèo, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam; Liên Đội tổ chức cho đội viên và sao nhi đồng tham gia tích cực phong trào Vòng tay bạn bè, ủng hộ học sinh nghèo, hoạt động đền ơn đáp nghĩa (chăm sóc di tích lịch sử, nghĩa trang, gia đình thương binh liệt sĩ trên địa bàn). Ngoài ra Chi đoàn còn tổ chức cho đoàn viên tham gia tích cực các hoạt động trồng cây, lao động vệ sinh tại địa phương [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08], [H1-1.3-10], [H1-1.3-11], [H1-1.3-12]. Tuy nhiên, do điều kiện công tác, còn nhiều hoạt động cộng đồng các tổ chức đoàn thể chưa có điều kiện tham gia.

2. Điểm mạnh

Chi bộ, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của mỗi tổ chức. Chi bộ 5 năm liền kê được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (năm 2019 hoàn thành xuất sắc). Các tổ chức trong trường động đúng quy định, chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động, hỗ trợ chuyên môn nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Có nhiều hoạt động cộng đồng các tổ chức đoàn thể chưa có điều kiện tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chi bộ tăng cường chỉ đạo Công Đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên chủ động sắp xếp chuyên môn, phối hợp với các tổ chức đoàn thể tại địa phương tham gia nhiều hơn các phong trào, hoạt động mang lại lợi ích cho cộng đồng nhất là địa phương nơi nhà trường đóng chân.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng. Số lượng đủ theo quy định [H1-1.4-01].

Trường có 05 tổ khối chuyên môn và 1 tổ văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn có từ 5 - 6 thành viên và 1 tổ văn phòng có 04 thành viên (Kế toán, văn thư, nhân viên thư viện+ thiết bị +thủ quỹ, nhân viên bảo vệ). Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định [H1-1.4-02].

Các tổ chuyên môn và văn phòng có kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch đã xây dựng; tổ chức sinh hoạt 2 tuần 1 lần theo quy định [H1-1.4-03], [H1-1.4-04].

Mức 2:

Trong mỗi năm học, các tổ chuyên môn đều tổ chức sinh hoạt chuyên môn chuyên đề để xây dựng các nội dung dạy học, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng (mỗi tổ chuyên môn hàng tháng đều có nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học) [H1-1.4-05].

Các tổ chuyên môn và văn phòng đều định kỳ rà soát tiến độ thực hiện để điều chỉnh kịp thời các hoạt động theo kế hoạch thời gian năm học của nhà trường, ngành [H1-1.4-03], [H1-1.4-04], [H1-1.4-06].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-07].

Với các chuyên đề sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, các tổ chuyên môn đã đề xuất được nhiều giải pháp về phương pháp dạy-học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học, giúp học sinh đạt được các yêu cầu về năng lực, phẩm chất theo quy định của chương trình góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường [H1-1.4-03], [H1-1.4-06], [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định. Các tổ Chuyên môn và Văn phòng được thành lập đúng quy định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng. Tổ chuyên môn đã tổ chức nhiều nội dung sinh hoạt chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Hoạt động của tổ văn phòng hiệu quả chưa cao. Các chuyên đề của tổ chuyên môn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ; gắn chất lượng hoạt động của các tổ chuyên môn, văn phòng với kết quả đánh giá xếp loại viên chức hằng năm.

- Năm học 2022-2023, Nhà trường tổ chức hướng dẫn để các tổ chuyên môn đề xuất được nhiều chuyên đề để giải quyết các vấn đề vướng mắc khác nhau trong quá trình dạy học, giáo dục của mỗi tổ và nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2023-2024, trường có đủ 5 khối, mỗi khối có từ 03-04 lớp [H1-1.5-01], [H1-1.5-03].

Học sinh được tổ chức theo lớp học. Lớp học có Ban cán sự lớp gồm: lớp trưởng, các lớp phó do tập thể học sinh trong lớp bầu ra. Mỗi lớp học được chia thành các tổ học sinh. Mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong tổ bầu [H1-1.5-02], [H1-1.5-03].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Các lớp tổ chức bình bầu lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng, tổ phó. Các chức vụ này được luân phiên bầu lại trong

năm học. Học sinh trong lớp được tham gia nhận xét, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của bạn và tự nhận xét, đánh giá chính mình [H1-1.5-02]. Chất lượng hoạt động của Ban cán sự một số lớp chưa thực sự hiệu quả.

Mức 2:

Năm học 2023 - 2024, nhà trường có 19 lớp học [H1-1.5-01], [H1-1.5-03].

Sĩ số bình quân 36 học sinh/lớp, trong đó có 3 khối có sĩ số đảm bảo không quá 35 học sinh/lớp. Riêng khối 1 và khối 3 có sĩ số từ 40 học sinh/lớp trở lên. Sĩ số học sinh/lớp không đúng theo quy định [H1-1.5-01], [H1-1.5-02], [H1-1.5-03]. Mặc dù quá sĩ số nhưng trên bình diện chung của cả huyện và địa bàn, sĩ số của nhà trường vẫn tương đối phù hợp.

Các lớp học được tổ chức linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

- Đa số lớp học, tổ chức lớp học phù hợp theo quy định.
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tự quản.

3. Điểm yếu

- Do địa bàn tuyển sinh rộng, số học sinh tại một số lớp còn nhiều hơn so với quy định.
- Hoạt động tự quản của Ban cán sự tại một số lớp hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tuyển sinh đúng địa bàn các tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5.
- Năm học 2022-2023, Nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm có biện pháp giúp Ban cán sự lớp hoạt động đúng nguyên tắc dân chủ, tự quản ngay từ đầu năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ quản lý của nhà trường được lưu trữ theo quy định [H1-1.6-01], [H1-1.6-02], [H1-1.4-07].

1.

Hàng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-03], [H1-1.6-04],[H1-1.6-06].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.4-07], [H1-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: máy tính kết nối internet; phần mềm kế toán <https://sme.misa.vn/>; phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, <http://csdl.moet.gov.vn/>; hệ thống quản lý nhà trường <https://www.smas.edu.vn/> và kí duyệt tài chính bằng phần mềm điện tử [H1-1.6-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của các đoàn giám sát, thanh tra [H1-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2025, kế hoạch nhiệm vụ hàng năm trong đó có xác định các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.1-01]. Tuy vậy, Nhà trường chưa xây dựng riêng kế hoạch trung hạn và dài hạn về huy động các nguồn tài chính phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu

Chưa xây dựng riêng kế hoạch trung hạn và dài hạn về huy động các nguồn tài chính phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về huy động tài chính để phát triển nhà trường giai đoạn 5 năm, tầm nhìn 10 năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên nhằm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, giáo viên. [H1-1.7-01]

Nhà trường phân công, sử dụng quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả các hoạt động. Mỗi năm học Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, lấy ý kiến về phân công nhiệm vụ, đảm bảo sự thống nhất cao trong việc phân công, do đó, việc phân công sử dụng viên chức trong nhà trường đảm bảo phù hợp với năng lực trình độ, mức độ đáp ứng công việc và hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-03],

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được đảm bảo các quyền theo quy định [H1-1.7-05], [H1-1.7-07], [H1-1.3-10].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công công việc đúng sở trường, động viên, khen ngợi kịp thời, đánh giá xếp loại khách quan, gắn thành tích của viên chức, người lao động với mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức các hoạt động Hội thi dành cho giáo viên như: Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, giáo viên viết chữ đẹp, ...để phát huy năng lực của quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.7-01], [H1-1.7-02], [H1-1.7-03], , [H1-1.7-04], [H1-1.7-05], [H1-1.3-10]. Mặc dù vậy, vẫn còn nhiều tiềm năng trong cán bộ, giáo viên, nhân viên vẫn chưa được khai thác tối đa..

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ; phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp, đảm bảo định mức lao động, đảm bảo các chế độ, chính sách, các quyền theo quy định cho đội ngũ; tổ chức thực hiện nhiều biện pháp phát huy năng lực của quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Chưa phát huy tối đa nguồn nội lực hiện có trong mỗi viên chức, người lao động của đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tạo mọi điều kiện, cơ chế để viên chức, người lao động phát huy tối đa sở trường, năng lực hiện có trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, vào đầu năm học, nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục với sự tham gia của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh trong nhà trường. Nội dung kế hoạch giáo dục đảm bảo phù hợp với Chương trình giáo dục của bậc học, phù hợp điều kiện của địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01]. Chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên làm tốt công tác xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học phù hợp với đặc thù học sinh trong khối lớp [H1-1.4-03], [H1-1.8-02], [H1-1.8-03].

Trên cơ sở kế hoạch giáo dục, nhà trường tổ chức cho giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung đã được xây dựng về môn học, hoạt động giáo dục, thời lượng, về các hoạt động bổ trợ,...[H1-1.8-02], [H1-1.8-03], [H1-1.4-07].

Trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục, khi có sự thay đổi về nội dung dạy học (điều chỉnh giảm tải, lồng ghép các nội dung PCCC, GDĐĐ-TT-LS, GDANQP...), khi điều kiện dạy học thay đổi nhà trường điều chỉnh tiến hành điều chỉnh phù hợp, kịp thời theo sự chỉ đạo của cấp trên và điều kiện nhà trường [H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H1-1.8-03], [H1-1.4-03],

Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bằng kế hoạch và nghị quyết. Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua công tác kiểm tra nội bộ, thông qua báo cáo, thông tin hai chiều với tổ chuyên môn, giáo viên,...Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-05],

2. Điểm mạnh

Nội dung kế hoạch giáo dục đảm bảo phù hợp với Chương trình giáo dục của bậc học, phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và nhà trường. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một số nội dung trong kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường chưa được thực hiện đúng tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra nội bộ, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua Hội nghị Cán bộ viên chức, trong các hội nghị, cuộc họp của nhà trường,... [H1-1.9-01], [H1-1.9-02], [H1-1.7-05], [H1-1.3-09].

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của viên chức, người lao động, phụ huynh (nếu có) nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật [H1-1.9-02] .

Hằng năm, vào Hội nghị CBVC, nhà trường đều tổ chức báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường trước toàn thể cán bộ, viên chức trong đơn vị [H1-1.9-02].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường phối hợp với Hội đồng trường, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể thực hiện cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-03], [H1-1.4-07], [H1-1.3-09]. Mặc dù vậy, Ban thanh tra nhân dân, công đoàn vẫn chưa phát huy tối đa chức năng, vị trí của tổ chức trong hoạt động chủ trì giám sát thường xuyên việc thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị. Việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường được sự giám sát của Công đoàn (trực tiếp là Ban Thanh tra nhân dân), Hội đồng trường và các tổ chức cá nhân trong đơn vị. Kết quả

thực hiện Quy chế dân chủ trong đơn vị được báo cáo hàng năm, đảm bảo công khai, minh bạch.

3. Điểm yếu

Ban thanh tra nhân dân, công đoàn chưa phát huy tối đa chức năng, vị trí của tổ chức trong hoạt động chủ trì giám sát thường xuyên việc thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân tăng cường công tác giám sát thông qua xây dựng kế hoạch, nội dung giám sát cụ thể, chủ trì giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch, phương án, nội dung tuyên truyền đảm bảo An ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn thương tích; An toàn phòng chống cháy nổ; An toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; Phòng chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và Phòng, chống bạo lực học đường [H1-1.10-01], [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-03]. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-04].

Thực hiện tuyên truyền giáo dục về bình đẳng giới trong cán bộ, giáo viên nhân viên, phụ huynh và học sinh. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-02], [H1-1.10-04], [H1-1.4-07]. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng, chưa thu hút được đông đảo phụ huynh cùng tham gia tuyên truyền.

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án Đảm bảo an ninh trật tự; An toàn vệ sinh thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn thương tích; An toàn phòng chống cháy nổ; An toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; Phòng chống dịch bệnh; Phòng chống các tệ nạn xã hội; Phòng chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-01], [H1-1.4-07].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Trong các năm học vừa qua, không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự, [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Đảm bảo an ninh, trật tự, không để xảy ra hiện tượng bạo lực học đường, kỳ thị trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Hình thức tuyên truyền phòng tránh tai nạn, thương tích, bạo lực, kỳ thị chưa phong phú, đa dạng, chưa thu hút được đông đảo phụ huynh cùng tham gia tuyên truyền.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục cải tiến, đổi mới hình thức tuyên truyền đảm bảo lôi cuốn, hấp dẫn, huy động được sự tham gia của phụ huynh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường xây dựng chiến lược phù hợp, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các Hội đồng đủ cơ cấu và hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ; Các tổ chức đoàn thể phối hợp hiệu quả; trường có đủ cơ cấu về quản lý, tổ chuyên môn; biên chế lớp học, học sinh đúng quy định; lưu trữ đầy đủ hồ sơ; hồ sơ thu chi đảm bảo; quyền và lợi ích hợp pháp của quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo; kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, có sự tham gia của các bên liên quan; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường vẫn còn một số hạn chế, cụ thể như: Chiến lược phát triển nhà trường chưa được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo, chưa xây dựng riêng kế hoạch trung hạn và dài hạn về huy động các nguồn lực phát triển nhà trường; Nhà trường chưa phát huy hết vai trò của Tổ tư vấn tâm lý trường học; việc tham gia hoạt động tại cộng đồng của các tổ chức đoàn thể chưa nhiều; hoạt động của tổ văn

phòng hiệu quả chưa cao; các chuyên đề của tổ chuyên môn chưa đa dạng; hoạt động tự quản của Ban cán sự tại một số lớp hiệu quả chưa cao.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 10/10 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Năm học 2021 - 2022, toàn trường có 34 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó, cán bộ quản lý 03, giáo viên 28, nhân viên 03. Đội ngũ viên chức khá đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường. Tuy nhiên, khả năng tin học, ngoại ngữ của đội ngũ chưa cao, khả năng dạy học phát huy năng lực, phẩm chất người học ở một số giáo viên còn chưa thực sự hiệu quả. Tổng số học sinh 744/21 lớp, trong đó học sinh dân tộc thiểu số 22, học sinh khuyết tật 11, học sinh thuộc diện chính sách 49.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy là 13 năm, 2 Phó hiệu trưởng có thời gian giảng dạy lần lượt là 10, 13 năm [H2-2.1-01]. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn đại học, trung cấp lý luận chính trị, ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B, được bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II, chứng nhận quản lý Nhà nước về giáo dục - Đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, chính trị và quản lý [H1-1.7-04],[H2-2.1-01].

Hàng năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng loại khá trở lên [H2-2.1-02].

Hàng năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá theo Quy định chuẩn hiệu trưởng.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đã có Bằng Trung cấp lý luận chính trị; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01], .

Mức 3:

Hiệu trưởng chưa được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng mức Tốt trong 5 năm liên tiếp. Phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng mức tốt trong 5 năm liên tiếp [H2-2.1-02] .

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có đầy đủ văn bằng chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý giáo dục Tiểu học. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được tập huấn các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng chưa đủ điều kiện được đánh giá chuẩn hiệu trưởng mức Tốt trong 5 năm liên tiếp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng có biện pháp tự phân đấu, rèn luyện, đủ tiêu chuẩn đánh giá chuẩn hiệu trưởng mức tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 26 giáo viên/19 lớp (trong đó có giáo viên Tiếng Anh, 01 giáo viên Âm nhạc, 01 giáo viên Mỹ thuật, 01 giáo viên Tin học, 01 giáo viên Giáo dục thể chất) và 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội. Số lượng giáo viên chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT [H1-1.7-03]. Năm học 2023-2024 thiếu 02 giáo viên để tổ chức dạy 2 buổi/ngày.

Tính tới thời điểm đánh giá có 96,2% giáo viên của nhà trường đạt chuẩn đào tạo [H1-1.7-01, [H2-2.1-01]. căn cứ theo quy định về chuẩn trình độ đào tạo quy định tại Luật giáo dục năm 2019, có 01 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn (đang theo học nâng cao trình độ chuẩn).

Hàng năm 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

Tính tới thời điểm đánh giá, 100% giáo viên của nhà trường đạt chuẩn đào tạo [H1-1.7-01, [H2-2.1-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức mức khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-02]. Tuy nhiên, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin của một bộ phận giáo viên còn hạn chế.

Trong năm năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, [H1-1.4-07].

Mức 3:

Tính tới thời điểm đánh giá, 96,2% giáo viên của nhà trường đạt chuẩn đào tạo [H1-1.7-01, [H2-2.1-01].

Trong năm năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên, trong đó trên 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Đến thời điểm đánh giá, nhà trường có đủ giáo viên để tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định. 96,2% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học mức khá trở lên, trong đó trên 80% đạt mức tốt. Nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

- Trường chưa có giáo viên Mỹ thuật, tỷ lệ giáo viên để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả khối lớp còn thiếu.

- Năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin của một bộ phận giáo viên còn hạn chế.

- So với quy định về chuẩn trình độ đào tạo quy định tại Luật giáo dục năm 2019, có 01 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Đăk Song điều động bổ sung giáo viên Mỹ thuật hoặc phân công giáo viên Mỹ thuật dạy liên trường; bổ sung thêm 02 giáo viên tiểu học để đảm bảo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho các lớp 1,2,3 theo Chương trình GDPT 2018 và dạy học 7-8 buổi cho học sinh lớp 4,5 vào đầu năm học 2022-2023.

- Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo tiếp tục tạo cơ hội (thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên môn) để giáo viên học tập, nâng cao năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin để chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã có nhân viên kế toán; nhân viên văn thư, nhân viên thư viện-thiết bị kiêm thủ quỹ, nhân viên bảo vệ và 01 nhân viên y tế liên trườn, chưa có nhân viên công nghệ thông tin. Số lượng nhân viên hiện tại đáp ứng quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 [H1-1.7-03],

Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên được thực hiện trên cơ sở trình độ nghiệp vụ, đảm bảo mức độ phù hợp trên thực tế [H1-1.7-03].

Nhân viên nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao .

Mức 2:

Theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, trường còn thiếu vị trí nhân viên công nghệ thông tin [H1-1.4-07]. Hiện tại nhà trường phân công kiêm nhiệm vị trí công nghệ thông tin phân công cho giáo viên Tin học.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.7-04], [H2-2.3-01], [H1-1.4-07].

Mức 3:

Các nhân viên Kế toán, văn thư, thư viện thiết bị kiêm thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao hoặc có bằng trung cấp trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm và được bồi dưỡng thực hiện nhiệm vụ [H2-2.1-01]. Tuy nhiên, nhân viên thư viện-thiết bị kiêm thủ quỹ chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thủ quỹ, nhân viên bảo vệ chưa được tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ.

Hàng năm, nhân viên kế toán, văn thư, thiết bị-thư viện được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm do cấp trên tổ chức. Nhân viên bảo vệ chưa được tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường 04 nhân viên kế toán, văn thư, thiết bị-thư viện kiêm thủ quỹ, bảo vệ các nhân viên thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Nhân viên nhà trường có bằng cấp chuyên môn và năng lực đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

3. Điểm yếu

- Trường còn thiếu vị trí nhân viên công nghệ thông tin;
- Nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ, nhân viên thiết bị-thư viện kiêm thủ quỹ chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thủ quỹ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện điều động bổ sung thêm 01 nhân viên: Công nghệ thông tin trong năm học 2022-2023
- Nhà trường tiếp tục phân công kiêm nhiệm các vị trí nhân viên còn thiếu cho giáo viên và nhân viên kiêm nhiệm khi chưa được bổ sung biên chế, đồng thời tổ chức để các giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm được tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ.
- Tham mưu UBND tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ bảo vệ để nhân viên bảo vệ của nhà trường được tham gia bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tuổi học sinh trong nhà trường đảm bảo theo quy định tại điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01] .

100% học sinh của trường thực hiện các nhiệm vụ của học sinh như: thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà. Kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông, tăng cường thể dục rèn luyện thân thể...[H1-1.4-07], [H2-2.4-01].

Học sinh được tuyên truyền giáo dục về các quyền của học sinh thông qua giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức đoàn thể, nhà trường và được đảm bảo các quyền theo quy định [H1-1.4-07], [H2-2.4-02], [H2-2.4-03].

Mức 2:

Khi học sinh có dấu hiệu vi phạm các hành vi không được làm đều được phát hiện kịp thời, có biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H1-1.5-02], [H2-2.4-01].

Mức 3:

Hàng năm, nhiều học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện. Một số em đạt được thành tích trong các phong trào do cấp huyện, tỉnh tổ chức. Những học sinh này được nhà trường, giáo viên biểu dương khen thưởng, xây dựng trở thành những tấm gương điển hình đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường, khích lệ học sinh trong lớp, trong trường học tập và noi theo [H2-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Tuổi của học sinh trong nhà trường đúng theo quy định. Học sinh ngoan ngoãn, không vi phạm nội quy. Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh đạt giải trong các cuộc thi, giao lưu cấp huyện, cấp tỉnh còn ít chưa tương xứng với tiềm năng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh và tổ chức sinh hoạt chuyên môn về biện pháp nâng cao chất lượng mũi nhọn, phát huy tối đa năng khiếu sở trường của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định; 100% có trình độ đạt chuẩn. Học sinh đảm bảo về độ tuổi, được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người học.

So với quy định về chuẩn trình độ đào tạo quy định tại Luật giáo dục năm 2019, có 01 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn.

Số học sinh có thành tích được cấp trên khen thưởng chưa cao so với tiềm năng của học sinh nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 2/4 (2/4) tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Đạt chuẩn quốc gia mức độ I từ năm học 2017-2018, do đó các hạng mục cơ sở vật chất của nhà trường đã được đầu tư đáp ứng nhu cầu cơ bản công tác dạy học 2 buổi/ngày. Trong 5 năm qua, với sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự chủ động của nhà trường, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được tu sửa, mua sắm bổ sung, đảm bảo các yêu cầu dạy và học. Phòng học, bàn ghế đủ và đúng quy cách, có bảng chống lóa, hệ thống điện chiếu sáng, quạt, tủ trong mỗi phòng học, đáp ứng nhu cầu dạy học. Khối phòng hành chính, phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, trang thiết bị văn phòng đáp ứng nhu cầu cơ bản công tác quản lý, dạy và học theo quy định.

Nhà trường thường xuyên thực hiện các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục hiện có nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trên diện tích khuôn viên các khối công trình được quy hoạch hợp lí, trồng nhiều cây xanh, bồn hoa, thảm cỏ với diện tích che phủ khoảng 50% tạo nên một khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01] .

Công trường được xây dựng kiên cố: một cửa chính, 02 cửa phụ; tổng chiều dài 12m, chiều cao 4m. Biển tên trường được làm bằng sắt, sơn xanh, chữ màu vàng. Tường bao quanh được xây gạch, sơn màu vàng, chiều cao 1,5 m. Tất cả các hạng mục này đều đúng quy định [H3-3.1-02]. Tuy nhiên, do thời gian sử dụng đã lâu hết nên hạn (trên 10 năm) dẫn đến chân móng tường rào bị sụt, sập tường (khoảng 10m tường phía sau và 15m tường phía trước). Nhà trường đã làm hồ sơ thanh lý 318m tường bao quanh và 110m tường phía trước.

Trường có sân chơi được đổ bê tông và một phần sân đất; nhà đa năng, bể bơi, sân bóng đá mi ni, khu vui chơi cho học sinh [H3-3.1-03].

Mức 2:

Tổng diện tích khuôn viên 10748.000m² /695 học sinh, đạt tỷ lệ 15,5m²/học sinh [H3-3.1-04]. Tổng diện tích sân chơi, bãi tập khoảng 3800m², trong đó: sân chơi khoảng 2200m², sân bóng đá 720m², khu bể bơi 200m², khu vui chơi có thiết bị 200m², nhà đa năng 450m², diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập đảm bảo quy định [H3-3.1-03].

Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-03].

Mức 3:

Sân chơi bằng phẳng có cây bóng mát; khu bể bơi, khu vui chơi, có thiết bị và mái che, nhà đa năng rộng rãi, thoáng mát, sân bóng được đổ cát nện chặt và san bằng, đảm bảo an toàn cho học sinh [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường có diện tích khuôn viên, sân vườn đảm bảo quy định, có hàng rào bao quanh, có cổng trường, biển tên trường đúng quy cách. Nhà trường có sân chơi, sân tập bằng phẳng, có một số thiết bị vui chơi, luyện tập đảm bảo cho học sinh vui chơi và luyện tập thường xuyên, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Còn một phần sân chơi chưa được lát bê tông, sân bóng đá còn thiếu bóng mát, thiết bị vui chơi, luyện tập còn ít; tường bao hết niên hạn sử dụng, xuống cấp, bị sụt móng, sập tường(khoảng 25m trước và sau), nhiều đoạn có nguy cơ sụp đổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Huy động nguồn lực từ phụ huynh và cộng đồng để mua sắm thêm một số thiết bị vui chơi, luyện tập cho học sinh trong năm học 2024-2025;
- Thực hiện tham mưu đồng bộ lát sân đất còn lại cùng với xây dựng dãy 06 phòng tầng (giai đoạn 2025-2028);
- Tổ chức chăm sóc tốt hàng cây xanh khu sân bóng và cây xanh trong khuôn viên, đảm bảo bóng mát cho học sinh khi vui chơi, luyện tập.
- Tham mưu xây lại tường rào mới, làm bờ be chắn nước. Chủ động sửa chữa một số đoạn chân móng tường rào và làm bờ be tạm thời trước cổng trường trong hè 2024.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2023-2024, trường có 25 phòng học/ 19 lớp. Mỗi phòng học có 4 cửa sổ và 1-2 cửa chính đảm bảo quy cách theo quy định [H3-3.2-01].

Mỗi lớp được bố trí 18 bộ bàn ghế học sinh, đảm bảo đủ chỗ ngồi cho học sinh trong lớp. Mỗi phòng học đều có đủ bàn ghế giáo viên, bảng chống lóa theo quy định [H3-3.2-02].

Các phòng học có đầy đủ hệ thống đèn điện, hệ thống quạt và 01 tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học [H3-3.2-02].

Mức 2:

Diện tích phòng học 50m²/ phòng đảm bảo tỷ lệ diện tích/học sinh theo quy định [H3-3.2-01].

Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ thiết bị dạy học được sắp xếp hợp lý và an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02].

Bàn học sinh được làm bằng gỗ, kiểu 02 chỗ ngồi, đa số là dạng ghế rời cá nhân bằng gỗ công nghiệp đánh vecni màu nâu phù hợp với quy định. Tuy nhiên vẫn còn 70 bộ ghế liền bàn đã cũ cần thay thế [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường bố trí 4 phòng học chuyên ngành âm nhạc, mỹ thuật, ngoại ngữ, tin học [H3-3.2-02]. Tuy nhiên, chưa có phòng học Khoa học-Công nghệ, phòng đa chức năng theo quy định của Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ mỗi lớp 1 phòng học và có 04 phòng để dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ, Tin học. Diện tích, quy cách phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định. Mỗi phòng học có đủ bàn ghế cho học sinh và giáo viên, có hệ thống điện, quạt, tủ đựng thiết bị dạy học. Bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

3. Điểm yếu

- Còn 70 bộ bàn ghế liền bàn đã cũ.

- Chưa có phòng học Khoa học-Công nghệ, phòng đa chức năng theo quy định của Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Chủ động thực hiện sửa chữa và thay thế dần 70 bộ bàn ghế liền bàn đã cũ trong năm học 2024-2025.

- Tích cực tham mưu Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Đăk Song đầu tư xây dựng thêm 06 phòng học để thay thế 4 phòng học cấp 4 đã hết hạn sử dụng và tăng thêm 02 phòng để bố trí 01 phòng Khoa học -Công nghệ, 01 phòng đa chức năng trong năm học 2024-2025.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các phòng: giáo dục nghệ thuật, tin học, thiết bị, truyền thông và hoạt động Đội đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [H3-3.3-01].

1. Khối phòng hành chính quản trị của nhà trường (Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng bảo vệ,...) có thiết bị làm việc cơ bản như: bàn ghế, máy tính, tủ đựng hồ sơ,... đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.3-01]. Tuy nhiên, một số thiết bị làm việc của một số phòng hành chính (máy tính, bàn ghế, tủ đựng,...) sử dụng đã lâu hiện đã xuống cấp cần được tu sửa hoặc thay thế.

Khu nhà để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí gần phòng trực bảo vệ và lối vào khu hành chính - quản trị, đảm bảo hợp lý, an toàn, trật tự [H3-3.3-01].

Mức 2:

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính- quản trị (văn phòng, phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phòng bảo vệ, y tế,...) đảm bảo đủ diện tích theo quy định [H3-3.3-01].

Nhà trường có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung tại các phòng: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng [H3-3.3-01], [H3-3.3-02], .

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị (hệ thống điện, quạt, internet; bàn ghế, máy tính, máy in, tủ đựng hồ sơ,...) được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-01], [H3-3.3-02], .

2. Điểm mạnh

Nhà trường đủ các phòng quản trị hành chính, các phòng phục vụ học tập. Các phòng hành chính, phục vụ học tập có đủ diện tích, thiết bị phù hợp để làm việc.

3. Điểm yếu

- Một số thiết bị làm việc trong phòng làm việc đã xuống cấp cần được tu sửa, bảo dưỡng hoặc thay thế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Chủ động kiểm tra, rà soát hiện trạng thiết bị phòng làm việc để sửa chữa hoặc thay thế trước khi bước vào năm học 2024-2025.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh với hình thức tự hoại, đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01].

Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, không để đọng nước trên sân trường hay các khu vực khác trong khuôn viên. Trường có 01 giếng khoan đảm bảo nước sinh hoạt cho CBGV, NV và HS; có máy lọc đảm bảo nước uống tại trường cho CBGV, NV và HS [H3-3.4-01], [H3-3.4-02].

Nhà trường hợp đồng thu gom rác thải với công ty nước và môi trường. Rác thải trong nhà trường được thu gom tại lớp học, phòng làm việc và trong khuôn viên sau đó tập kết vào thùng lớn có nắp đậy để thu gom xử lý. Việc thu gom và xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02].

Mức 2:

Khu vệ sinh giáo viên và học sinh được đặt ở khu vực phù hợp với cảnh quan khuôn viên và thuận tiện sử dụng [H3-3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia; hệ thống thoát nước đảm bảo không để nước ứ đọng, nước thải khu vệ sinh được đưa vào hầm rút. Nhà trường hợp đồng thu gom rác thải với công ty nước và vệ sinh môi trường, rác trước khi được công ty nước và vệ sinh môi trường thu gom được tổ chức thu gom từ các phòng học, phòng làm việc và được tập kết vào 06 thùng lớn có nắp đậy, cách xa các dãy phòng học theo quy định [H3-3.4-01], [H3-3.4-01], [H3-3.4-02]. Tuy nhiên, đường giao thông trước cổng trường cao hơn mặt sân trường và không có đường be hay rãnh thoát nước nên vào mùa mưa toàn bộ nước ở khu vực dân cư và đường giao thông trước cổng trường đổ xuống sân trường làm cho hệ thống thoát nước bị quá tải, dẫn đến bị vỡ một đoạn rãnh dẫn nước và tường rào phía sau trường.

2. Điểm mạnh

Các khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, hệ thống thoát nước đảm bảo không để nước ứ đọng; thu gom, xử lý chất thải được thực hiện hằng ngày, không để rác thải tồn đọng.

3. Điểm yếu

Khu vực trước cổng trường chưa có đường be chắn nước dẫn đến hiện tượng quá tải hệ thống thoát nước, làm hỏng rãnh thoát và đổ tường bao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu UBND thị trấn, huyện bổ sung xây dựng hệ thống đường be chắn nước trên đường giao thông trước cổng trường, đồng thời chủ động làm be chắn tạm bằng xi măng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 04 máy tính, 06 máy in, 01 máy photocopy phục vụ công tác văn thư, kế toán, quản lý; có hệ thống thiết bị tủ đựng hồ sơ, bàn ghế làm việc và các thiết bị điện, quạt,...cho các phòng làm việc. Nhìn chung, có đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-02], .

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định Thông tư 37/2021 /TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ GDĐT Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học [H3-3.5-01].

Hằng năm, các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa .

Mức 2:

Nhà trường đã lắp đặt 04 cụm wifi do công ty viễn thông VNPT và Viettel cung cấp để kết nối internet cho hệ thống máy tính phục vụ hoạt động quản lý và dạy học [H3-3.5-02].

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định. Mỗi khối lớp 1 bộ/môn thiết bị dạy học tối thiểu [H3-3.5-01]. Ngoài ra, nhà trường còn có 03 ti vi lớn, 01 máy đầu chiếu phục vụ cho sinh hoạt chuyên môn, hoạt động tập thể và 15 ti vi nhỏ phục vụ cho dạy học trên lớp từ nguồn tài trợ của cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, còn thiếu các thiết bị dạy học hiện (bảng tương tác/màn hình tương tác, phần mềm dạy học tương tác...).

Hàng năm nhà trường đều bổ sung thiết bị dạy học từ ngân sách và do giáo viên tự làm [H3-3.5-01], [H3-3.5-03].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được giáo viên khai thác, sử dụng hàng ngày theo chương trình dạy học và có hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.2-07], [H1-1.8-03], [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Có thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học cơ bản, hệ thống máy tính được kết nối internet. Thiết bị dạy học được khai thác sử dụng thường xuyên, hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Hàng năm, nhà trường đều thực hiện bổ sung thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu

- Thiếu thiết bị dạy học hiện đại (bảng tương tác/màn hình tương tác, phần mềm dạy học tương tác...);

- Hệ thống wifi, đường truyền internet còn yếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Lập kế hoạch tổ chức huy động tài trợ để bổ sung thiết bị dạy học hiện đại (ưu tiên ti vi thông minh) theo lộ trình đến năm học 2024-2025 đủ mỗi phòng học 01 ti vi.

- Lắp đặt thêm modem wifi, nâng cấp băng thông đường truyền internet cho các dãy phòng học trong năm học 2024-2025.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học [H3-3.6-01].

Để tổ chức tốt hoạt động thư viện, Nhà trường phân công một lãnh đạo trường trực tiếp phụ trách công tác thư viện, một cán bộ làm công tác thư viện, thành lập tổ công tác viên trong giáo viên, học sinh và hội cha mẹ học sinh để giúp cán bộ thư viện khai thác, phát triển phong trào đọc sách, báo, tài liệu của trường. Thư viện xây dựng nội dung hoạt động phù hợp với giáo dục toàn diện, với công việc của giáo viên và tâm lý lứa tuổi học sinh. Tổ chức phục vụ tốt các hoạt động ngoại khóa của nhà trường và tổ chức được các hình thức hoạt động phù hợp với điều kiện của nhà trường như: giới thiệu sách, triển lãm trưng bày sách mới, tranh ảnh..., phối hợp với Liên Đội tổ chức thi Đại sư văn hóa đọc, đọc sách trên phần mềm, vận động học sinh làm theo sách dưới sự chỉ đạo của Hiệu trưởng nhà trường và các cấp quản lý giáo dục. Thực hiện tốt hoạt động theo dõi mượn, trả sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhìn chung, hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H3-3.6-02], [H3-3.6-03], [H3-3.6-04], [H3-3.6-05].

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành kiểm kê tài sản của thư viện, làm thủ tục thanh lý các ấn phẩm rách nát, nội dung thay đổi hoặc đã hết hạn sử dụng theo đúng nghiệp vụ thư viện; thực hiện bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phù hợp [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đáp ứng các yêu cầu của 5 tiêu chuẩn: trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học; Cơ sở vật chất; Nghiệp vụ; Tổ chức và hoạt động; Quản lý thư viện, đủ điều kiện và đạt danh hiệu Thư viện trường học đạt chuẩn [H3-3.6-01].

Mức 3:

- Thư viện của nhà trường chưa đủ điều kiện đạt Thư viện trường học tiên tiến (theo quy định tại Thông tư 16/TT/BGDĐT, ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

- Chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học; xây dựng nội dung hoạt động phù hợp với giáo dục toàn diện, với công việc của giáo viên và tâm lý lứa tuổi học sinh.; đáp ứng yêu cầu thư viện đạt chuẩn.

3. Điểm yếu

- Thư viện của nhà trường chưa đủ điều kiện đạt Thư viện trường học tiên tiến (theo quy định tại Thông tư 16/TT/BGDĐT, ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

- Chưa có hệ thống máy tính kết nối Internet để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch mua sắm, lắp đặt hệ thống máy tính thư viện, bổ sung sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo,... Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động đáp ứng cao hơn nhu cầu của cán bộ, giáo viên nhân viên; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khai thác tài liệu, đáp ứng yêu cầu thư viện trường học tiên tiến vào năm học 2024-2025.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường có đủ diện tích đất theo quy định của Tiêu chuẩn Quốc gia Việt NamTCVN 8793 : 2011 - Trường tiểu học - Yêu cầu thiết kế, có đủ phòng học cho các lớp, có sân chơi, bãi tập, có phòng phục vụ học tập, các phòng hành chính và thiết bị văn phòng; máy tính nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và dạy học; có khu để xe cho giáo viên, cho học sinh, có nhà vệ riêng cho cán bộ, giáo viên, học sinh; thư viện đáp ứng nhu cầu cho giáo viên và học sinh, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu và giáo viên tham gia sử dụng thường xuyên.

Đến thời điểm đánh giá, nhà trường vẫn còn 148 bộ bàn ghế liền bàn đã cũ; sân bóng đá còn thiếu bóng mát, thiết bị vui chơi, luyện tập, thiết bị dạy học hiện đại còn ít; chưa có phòng học Khoa học-Công nghệ, phòng đa chức năng theo quy định của Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT; một số thiết bị làm việc đã xuống cấp cần được tu sửa, bảo dưỡng hoặc thay thế; thư viện nhà trường chưa có hệ thống máy tính kết nối Internet để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 4/6 (3/5) tiêu chí chiếm 66.7 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Quan hệ Nhà trường - gia đình - xã hội là một thành tố vô cùng quan trọng để tạo nên chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục. Xác định được tầm quan trọng của công tác phối hợp giữa ba môi trường giáo dục, trong những năm qua, trường tiểu học Chu Văn An đã luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường ở địa phương để huy động nguồn lực phát triển nhà trường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, chăm lo các điều kiện học tập cho học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT [H4-4.1-01].

Ban đại diện CMHS có kế hoạch hoạt động theo năm học [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Trong mỗi năm học, đã phối hợp với nhà trường tổ chức được một số hoạt động giáo dục quy mô cấp trường như: Tổ chức tết Trung thu cho học sinh, Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, Ngày sách Việt Nam,... Phối hợp với nhà trường trong thực hiện vận động sự tham gia của cha mẹ học sinh vào các hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường, biện pháp giáo dục học sinh,... Cùng với nhà trường tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhất là về Luật ATGT đường bộ, Luật Bảo hiểm y tế, chương trình giáo dục phổ thông mới,...[H4-4.1-01], [H4-4.1-02], [H4-4.1-03], [H1-1.1-02], [H1-1.4-07]. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một vài Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp chưa phối hợp tốt với GVCN trong công tác giáo dục học sinh và tổ chức các hoạt động của lớp.

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh H1-1.4-07], [H4-4.1-03], [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS; nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện

phát huy vai trò góp phần giúp nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.

3. Điểm yếu

Các cuộc họp CMHS và Ban đại diện CMHS thường chưa đảm bảo số lượng, do đó việc thống nhất chủ trương, biện pháp chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường bố trí linh hoạt thời gian tổ chức các cuộc họp; tăng cường động viên CMHS trong phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục góp phần thống nhất cao chủ trương, biện pháp phối hợp giáo dục học sinh trong và ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường trong từng năm học và theo giai đoạn [H1-1.1-02], [H1-1.4-07].

Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp phụ huynh học sinh, qua công tác giao ban tại Đảng ủy, UBND, các ứng dụng mạng xã hội,...) , [H1-1.4-07].

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Đầu năm học, trên cơ sở Kế hoạch năm học, Kế hoạch giáo dục và Kế hoạch tài chính, nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội cho việc phát triển nhà trường. Các nguồn lực về tài chính, vật chất được xây dựng gồm các nội dung thỏa thuận, tài trợ. Trên cơ sở kế hoạch, nhà trường triển khai lấy ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh và của phụ huynh học sinh trong toàn trường để vận động tài trợ cho các hoạt động xây dựng và phát triển trường lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục. Các nguồn lực huy động được sử dụng đúng mục đích và theo quy định của pháp luật [H4-4.2-02].

Mức 2:

Nhà trường đã tích cực tham mưu với Cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua các cuộc giao ban Đảng ủy, UBND, bằng các văn bản đề xuất kế hoạch duy trì và từng bước nâng cao mức độ trường chuẩn Quốc gia; tờ trình đề nghị phê duyệt chiến lược phát triển nhà trường, tờ trình phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ năm học, [H1-1.3-09], [H1-1.4-07], [H1-1.6-01].

Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể (công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên,...), cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử (Đồi Đạo Trung tại thôn 9-NâmNjang); chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, thăm hỏi tặng quà lực lượng vũ trang nhân dịp 22/12 [H1-1.3-08], [H1-1.3-10], [H1-1.3-11], [H4-4.2-01], [H4-4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường đã, đang và tiếp tục tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục ở địa phương. Tới thời điểm đánh giá, trường đã có các hạng mục cơ bản để có thể tổ chức các hoạt động văn hóa, hoạt động giải trí, thể dục thể thao như: nhà đa năng, khu vui chơi dành cho học sinh, khuôn viên xanh, sạch, đẹp, là cơ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo lựa chọn là nơi tổ chức các hoạt động Hội thi, tập huấn,...[H1-1.1-02], [H4-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Hằng năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình có công với cách mạng tại địa phương.

3. Điểm yếu

Việc phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương chưa toàn diện.

- Chưa huy động được các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia đóng góp xây dựng nhà trường.

- Các hoạt động, sự kiện của địa phương được tổ chức tại nhà trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch kết hợp với các tổ chức đoàn thể trong thị trấn để tăng cường công tác giáo dục học sinh, chủ động huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp các nhà tài trợ trên địa bàn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường đã tạo ra được mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với Ban ĐDCMHS, các đoàn thể, chính quyền và nhân dân tại địa phương để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh. Chủ động tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường để huy động tối đa các nguồn lực tự nguyện tham gia xây dựng CSVC và môi trường giáo dục. Công tác tuyên truyền được phát huy để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung và PPDH, tạo điều kiện cho cộng đồng xã hội tham gia thực hiện tốt mục tiêu và kế hoạch giáo dục hằng năm. Các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc luôn được quan tâm, coi trọng và thực hiện có hiệu quả.

Ở một số thời điểm, hiệu quả phối hợp hoạt động chưa thực sự cao do thành viên trong ban đại diện cha mẹ học sinh đôi khi còn vắng mặt trong các cuộc họp nên không nắm bắt hết được tình hình học tập của con em và các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường chưa huy động được nhiều nguồn lực, chưa vận động sự ủng hộ của các doanh nghiệp để hỗ trợ cơ sở vật chất cho nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ năm học của các cấp quản lý giáo dục và tình hình thực tế, nhà trường lập kế hoạch giáo dục theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần rõ ràng và cụ thể. Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, Chương trình kế hoạch dạy học của nhà trường đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng cũng như mục tiêu của chương trình mỗi lớp. Quá trình tổ chức dạy học, giáo viên đã chú ý lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với điều kiện và đối tượng HS, có ý thức ứng dụng CNTT vào giảng dạy. Chương trình giáo dục của nhà trường được phổ biến công khai cho giáo viên và phụ huynh.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng dựa trên Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (đối với lớp 5) và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (đối với lớp 1, 2, 3, và 4), định hướng dạy học phát triển năng lực phẩm chất cũng như mục tiêu của bậc học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đảm bảo các quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01].

Chương trình giáo dục đảm bảo phát triển toàn diện cho học sinh với các nội dung giáo dục đa dạng được xác định trong kế hoạch [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục được giải trình và được Hội đồng trường thẩm định, phê duyệt và gửi báo cáo PGDĐT[H1-1.8-01].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cấp quản lý giáo dục. Hằng năm, trên cơ sở Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục mà trực tiếp là Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện nội dung, chương trình, các quy định khác về chuyên môn, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục và chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học phù hợp, đồng thời tổ chức cập nhật kịp thời các quy định, hướng dẫn trong các thời điểm của năm học để kịp thời điều chỉnh và tổ chức triển khai [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục được phổ biến trong cuộc họp Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm, họp phụ huynh, được niêm yết công khai tại đơn vị để viên chức, người lao động, học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức đoàn thể biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch, [H1-1.1-03]. Tuy nhiên, phương thức phổ biến kế hoạch giáo dục tới phụ huynh và cộng đồng biết, phối hợp tham gia giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch chưa đa dạng, chưa thu hút được nhiều phụ huynh nghiên cứu, tham gia xây dựng.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được niêm yết công khai tại đơn vị. Kế hoạch được cập nhật, điều chỉnh khi có sự thay đổi về nội dung chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục thiếu phương thức phổ biến để đồng đảo phụ huynh và cộng đồng biết, phối hợp tham gia giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tranh thủ tối đa các kênh liên lạc: facebook, zalo, messenger, để truyền tải nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường tới đông đảo phụ huynh, nhân dân và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;
- c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. Đối với lớp 1, 2, 3 và 4 thực hiện chương trình môn học theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, lớp 5 thực hiện chương trình môn học/hoạt động giáo dục theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông [H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H1-1.8-03].

Quá trình dạy học, giáo viên đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phát huy vai trò của cá nhân, nhóm học tập trong quá trình tự học, học tập trong nhóm, lớp với sự chủ động, tích cực và sáng tạo, đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.8-03], [H5-5.2-01].

Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học quy định tại Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT, ngày 28 tháng 09 năm 2016 của bộ GDĐT đối với học sinh lớp 5, thực hiện đánh giá theo học sinh lớp 1, 2, 3 và 4 thực hiện đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 [H5-5.2-01],[H5-5.2-02],[H5-5.2-03], [H2-2.4-01].

Mức 2:

Tổ chức cho các tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với

từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh; tăng cường vận dụng hình thức tổ chức và dạy học tích cực, đặc biệt coi trọng dạy học cá thể hóa đáp ứng nhận thức của từng đối tượng học sinh [H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H1-1.8-03], [H5-5.2-01], [H5-5.2-03], [H5-5.2-05]. Dù vậy, việc đổi mới, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với học sinh ở các giáo viên là chưa thực sự đồng bộ.

Luôn quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh khó khăn trong học tập. Công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo dục luôn được chú trọng. Từ kết quả rà soát, thống kê đầu năm học, nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, bộ môn rà soát, sàng lọc, lựa chọn và lập danh sách học sinh năng khiếu để bồi dưỡng, học sinh khó khăn trong học tập để phụ đạo từ tháng 10, từ đó lập kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh, do vậy hằng năm trường đều có học sinh đạt thành tích trong các cuộc thi, giao lưu các cấp [H5-5.2-04], [H5-5.2-06], [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, hiệu quả của công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu chưa cao.

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh thông qua sinh hoạt chuyên môn tại nhà trường, tổ khối [H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H5-5.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Quan tâm chỉ đạo các tổ khối, giáo viên rà soát, phát hiện và có kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh khó khăn trong học tập, rèn luyện.

3. Điểm yếu

Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu hiệu quả chưa cao, việc đổi mới và khả năng lựa chọn phương thức dạy học phù hợp với học sinh ở các giáo viên chưa thực sự đồng bộ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trên cơ sở danh sách học sinh có năng khiếu, học sinh còn khó khăn trong học tập được lập từ giáo viên chủ nhiệm, nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức phân công hợp lý giáo viên phụ trách công tác bồi dưỡng, phụ đạo học sinh; xây dựng cơ chế động viên, khen thưởng xứng đáng cho học sinh và giáo viên đạt thành tích cao. Đẩy mạnh công tác sinh hoạt chuyên môn chuyên đề, nghiên cứu khoa học sư phạm, đề tài sáng kiến trong công tác quản lý và dạy học. Gắn kết quả sản phẩm đầu ra với thành tích đạt được của giáo viên trong năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cùng với việc tổ chức nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp, nhà trường cũng luôn chú trọng tổ chức các chức thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch đã đề ra, [H1-1.3-08].

Nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục khá phong phú và phù hợp điều kiện của nhà trường. Cụ thể như: các hoạt động lao động vệ sinh, trang trí lớp học; chăm sóc cây hoa trong vườn trường; các hội thi, giao lưu văn nghệ, tìm hiểu lịch sử, giới thiệu sách, vẽ tranh,... , [H1-1.3-08]

Các hoạt động giáo dục được tổ chức để 100% học sinh có thể tham gia trải nghiệm , [H1-1.3-08].

Mức 2:

Các hoạt động giáo dục của nhà trường góp phần giúp học sinh rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đồng thời tạo cơ hội cho học sinh được tham gia một cách tích cực, chủ động và sáng tạo H5-5.3-01], [H1-1.3-08], [H1-1.4-07].

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục có sự phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh (Một số nội dung được phân theo nhóm tuổi lớp 1,2,3, lớp 4,5 hoặc theo khối lớp; học sinh được lựa chọn tham gia nội dung phù hợp với bản thân, ví dụ: lựa chọn một nội dung phù hợp trong hoạt động trang trí lớp học,...) , [H1-1.3-08], [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được tổ chức hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

3. Điểm yếu

- Hình thức tổ chức một số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp còn đơn điệu, mang tính tuyên truyền một chiều, chưa đủ sức lôi cuốn học sinh tự nguyện tham gia;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, Tổng phụ trách Đội xây dựng nội dung, chương trình phù hợp hơn theo lứa tuổi với hình thức tổ chức sôi nổi, hấp dẫn hơn, tạo cho học sinh động lực và sự hứng khởi khi tham gia các hoạt động giáo dục.

- Tái thành lập và tổ chức linh hoạt hoạt động các câu lạc bộ trong nhà trường phù hợp nhu cầu và năng lực của học sinh và điều kiện nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) Quản lý hồ sơ.
- Số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục thị trấn Đức An. Theo đó, tổ chức cho giáo viên tham gia điều tra, thống kê, báo cáo số liệu phổ cập giáo dục trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 10. Tổ chức tốt hoạt động tuyển sinh, đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng, tạo điều kiện để trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đến trường, duy trì sỹ số và từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.5-01], [H5-5.4-01], [H5-5.4-02].

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H1-1.5-01], [H5-5.4-01], [H5-5.4-02].

Nhà trường thực hiện quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ - CP ngày 24 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ) [H5-5.4-01].

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (127/127 (tổ 1-4) [H5-5.4-01].

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (so với yêu cầu 98%) [H5-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ PCGD được phân công, đảm bảo các điều kiện để nâng cao chất lượng PCGD, quản lý hồ sơ PCGD đúng quy định. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

3. Điểm yếu

Chưa huy động được nhiều nguồn kinh phí để hỗ trợ, động viên, tạo điều kiện để trẻ có hoàn cảnh khó khăn nâng cao chất lượng học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì các biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục tại địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm của nhà trường duy trì từ 98% trở lên [H5-5.2-02], [H5-5.2-03].

Trong 5 năm qua, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 94,2% đến 97,1% [H5-5.4-01].

Trong 05 năm qua, tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% [H5-5.4-01]..

Mức 2:

Trong 05 năm qua, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học của nhà trường luôn đạt từ 98% trở lên [H5-5.2-03], [H5-5.2-04].

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong 05 năm qua đạt từ 94,2% đến 97,1%, các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học [H5-5.4-01], [H5-5.2-03].

Mức 3:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong 05 năm qua luôn đạt từ 98% trở lên [H5-5.2-03], [H5-5.2-04].

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong 05 năm qua từ 94,2% đến 97,1%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học [H5-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm qua, tỷ lệ học sinh nhà trường lên lớp thẳng đạt từ 98% trở lên, học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 94,2% đến 97,1%, trẻ 11 tuổi còn lại đều đang học tại các lớp tiểu học.

3. Điểm yếu

Vẫn còn từ khoảng 2% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, 3-6% học sinh 11 tuổi chưa hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện các biện pháp bồi dưỡng, phụ đạo học sinh, từng bước giảm dần tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, học sinh chưa hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch năm học, các kế hoạch GD khác đảm bảo theo quy định của ngành. Kế hoạch của nhà trường được Phòng GD-ĐT chấp thuận phê duyệt.

Nhà trường đã chỉ đạo GV thực hiện tốt việc vận dụng các kỹ thuật, phương pháp dạy học tích cực nhằm đảm bảo mục tiêu nội dung giáo dục và đạt hiệu quả. Tổ chức thực hiện tốt việc đánh giá HS theo Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 28/9/2016 về Thông tư Ban hành quy định về đánh giá HS tiểu học. Nhà trường thực hiện đủ, đúng, phát huy hiệu quả kế hoạch HĐNGLL.

Công tác PCGDTH-ĐT của nhà trường hằng năm đều đạt chuẩn phổ cập mức độ 3. Hàng năm tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đều đạt từ 98% trở lên. Học sinh 11 tuổi HTCTTH vượt mức yêu cầu.

Công tác phổ biến công khai kết quả giáo dục trong cộng đồng, bồi dưỡng học sinh năng khiếu hiệu quả chưa cao; việc đổi mới và khả năng lựa chọn phương pháp thức dạy học phù hợp với học sinh ở các giáo viên chưa thực sự đồng bộ; hình thức tổ chức một số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp còn đơn điệu, mang tính tuyên truyền một chiều, chưa đủ sức lôi cuốn học sinh tự nguyện tham gia, nhiều hoạt động giáo dục quy mô cấp trường, hoạt động trải nghiệm theo nhu cầu có sự tham gia trực tiếp không thể thực hiện được, nhất là hoạt động câu lạc bộ theo sở thích. Vẫn còn từ khoảng 2% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, 3-6% học sinh 11 tuổi chưa hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi. Chưa huy động được nhiều nguồn kinh phí để hỗ trợ, động viên, tạo điều kiện để trẻ có hoàn cảnh khó khăn nâng cao chất lượng học tập.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 3: 4/5 (3/4) tiêu chí chiếm 80 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã nhận thức được cần phải đổi mới tư duy giáo dục, việc tham khảo các nội dung giáo dục tiên tiến của các nước một cách phù hợp sẽ giúp chất lượng nhà trường được nâng cao và rút ngắn khoảng cách để hòa nhập với các nền giáo dục hiện đại, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước. Trong quá trình tổ chức dạy học, nhà trường đã và đang triển khai để giáo viên tiếp cận một số phương pháp dạy học tích cực của các nước trong khu vực và trên thế giới.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu, tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp để lựa chọn đưa vào Kế hoạch giáo dục và áp dụng thực hiện cho nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã tổ chức xây dựng và thực hiện dạy học cá nhân cho học sinh khuyết tật, đa số học sinh khuyết tật đạt được mục tiêu giáo dục cá nhân [H5-5.2-05]. Bên cạnh đó, tổ chức hỗ trợ học sinh khó khăn về vật chất, tinh thần để vươn lên trong học tập; tổ chức bồi dưỡng, khen thưởng, khích lệ kịp thời học sinh có năng khiếu. Tuy nhiên, chưa đảm bảo 100% học sinh năng khiếu và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác hoàn thành mục tiêu giáo dục, học sinh có năng khiếu về nghệ thuật, thể dục thể thao chưa có đủ điều kiện về CSVC để tập luyện, thời gian bồi dưỡng cho các em còn rất hạn chế [H5-5.2-04]. Chưa đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật và hoàn thành kế hoạch giáo dục cá nhân đã được xây dựng. Tổ chức hỗ trợ học sinh khó khăn về vật chất, tinh thần để vươn lên trong học tập; tổ chức bồi dưỡng, khen thưởng, khích lệ kịp thời học sinh có năng khiếu.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Làm tốt công tác tham mưu, công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp với Hội khuyến học, các nhà hảo tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn có thể hoàn thành được mục tiêu giáo dục, đầu tư thiết bị tập luyện trong giai đoạn 2023 đến 2025, đồng thời khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để học sinh có năng khiếu phát huy năng lực

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường nhận thức được vai trò quan trọng của hạ tầng công nghệ và nguồn tài liệu đối với hoạt động của thư viện và việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, thư viện trường chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; nguồn tài liệu truyền thống chưa phong phú, chưa xây dựng được nguồn tài liệu số đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường [H1-1.6-02]. Tuy nhiên, thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; nguồn tài liệu truyền thống chưa phong phú, chưa xây dựng được nguồn tài liệu số đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường nhận thức được vai trò quan trọng của hạ tầng công nghệ và tài liệu đối với hoạt động của thư viện và việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chủ động lập kế hoạch xây dựng hạ tầng CNTT, đồng thời tham mưu Phòng Giáo dục, UBND huyện đầu tư hệ thống máy tính giai đoạn 2023-2025.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-05]. Tuy nhiên, công tác huy động nguồn lực cho phát triển CSVC chưa cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Chưa huy động được nhiều nguồn kinh phí để hỗ trợ, động viên, tạo điều kiện để trẻ có hoàn cảnh khó khăn nâng cao chất lượng học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục chủ động rà soát, lập kế hoạch huy động nguồn lực phát triển CSVC đảm bảo các hạng mục theo các quy định hiện hành và tổ chức các HĐGD nhất là các hoạt động trải nghiệm phù hợp điều kiện thực tế giai đoạn 2023-2027 và những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến [H1-1.8-05], nhưng kết quả giáo dục, các hoạt động khác chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ

3. Điểm yếu

Kết quả giáo dục, các hoạt động khác chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường chú trọng đến các hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ, đẩy mạnh phong trào đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động khác.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/27 chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: (22/27) (14/19) tiêu chí chiếm 81.5 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Tiểu học Chu Văn An tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức I.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. Trường tiểu học Chu Văn An tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

Đức An, ngày 16 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hương

